

Ứng dụng lý thuyết chu kỳ vào kinh tế và kinh doanh ở Việt Nam

PGS.TS NGUYỄN THƯỜNG LẠNG

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Bài báo trình bày những vấn đề cốt lõi, những quan điểm cơ bản nhất của lý thuyết chu kỳ trong kinh tế và kinh doanh, bao gồm các tính chất, đặc trưng, hình thái...; phân tích những ưu điểm của lý thuyết này trong xây dựng, hoạch định các chính sách kinh tế và kinh doanh. Ngoài ra, tác giả cũng mạnh dạn đưa ra một số đề xuất cho việc ứng dụng lý thuyết chu kỳ phù hợp với thực tiễn của nước ta hiện nay với một số nguyên tắc nhất định. Ở phần cuối, bài báo nêu lên một số điều kiện để vận dụng có hiệu quả lý thuyết này trong hoàn cảnh cụ thể ở nước ta hiện nay.

Từ khoá: lý thuyết chu kỳ, kinh tế và kinh doanh, các nguyên tắc.

APPLICATION OF THE CYCLE THEORY FOR ECONOMY AND BUSINESS IN VIETNAM

Summary

This article presents some core issues and basic standpoints on the cycle theory for economy and business including characteristics, features, forms..., analyses the advantages of the theory on the economic and business policy forming. Additionally, the author also gives some suggestions for application of the theory to Vietnam in the framework of given principles. In the last part, it suggests some conditions to effectively apply the cycle theory under current specific situations of Vietnam.

Key words: the cycle theory, economic and business policy, principles.

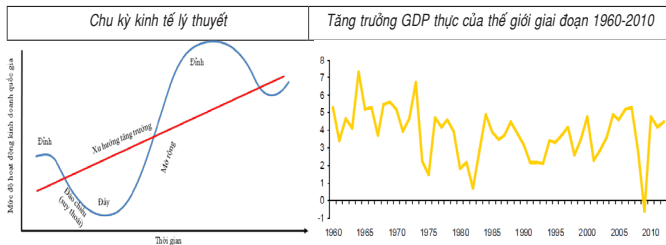
Tính chu kỳ trong kinh tế và kinh doanh

Tính chu kỳ trong kinh tế

Nghiên cứu quan trọng nhất khám phá tính chu kỳ trong kinh tế là kết quả nghiên cứu của Các Mác trong Bộ Tư bản. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là nền kinh tế hàng hoá lấy thị trường tự do làm động lực phát triển và là loại hình kinh tế vượt trội hơn so với kinh tế tự nhiên. Chu kỳ kinh tế của kinh tế hàng hoá, mà ở trình độ cao hơn là nền kinh tế thị trường, thể hiện ở chu kỳ khủng hoảng kinh tế với khoảng thời gian 8-10 năm/lần. Các cuộc khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản là các cuộc khủng hoảng sản xuất thừa, nghĩa là cung luôn vượt cầu. Các hiện tượng lặp đi lặp lại của các cuộc khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa là phát triển - hưng thịnh - suy giảm - tiêu điều - phục hồi - phát triển... Việc phân tích quy luật kinh tế của các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, trong đó có quy luật chu kỳ của Các Mác được coi là có độ tin cậy cao nhất, với sự kiểm định bằng sự kiện xảy ra cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933, khi mà nền kinh tế thế giới bị giảm sâu nhất và việc dư thừa hàng hoá đòi hỏi phải tiêu hủy để duy trì sản xuất bình thường. Khủng hoảng là kết quả của tính chu kỳ, gây thiệt hại toàn diện đối với nền kinh tế cho nên Các Mác dự báo: khủng hoảng làm suy yếu kinh tế tư bản chủ nghĩa và đến một giới hạn nhất định, chủ nghĩa tư bản bị phủ định bằng chủ nghĩa cộng sản - một hình thái kinh tế - xã hội hầu như không có khủng hoảng hay tính chu kỳ.

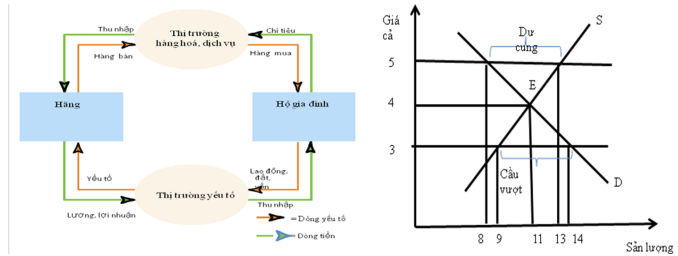
Các nhà kinh tế học hiện đại mô phỏng tính chu kỳ kinh tế bằng các trạng thái như đỉnh (hưng thịnh nhất) - đảo chiều (suy giảm) - đáy (thấp nhất) - mở rộng (phục hồi và thu hút mạnh

nguồn lực) - đỉnh (hưng thịnh sau khủng hoảng)... (đồ thị 1). Thực chất chu kỳ kinh tế là sự đối lập của hai trạng thái “đỉnh” và “đáy”, nhưng thực tế có những biến dạng nhất định theo sự thay đổi của các tham số kinh tế vĩ mô như GDP, cung ứng tiền tệ, tín dụng, việc làm, lãi suất... Đồng thời, chu kỳ kinh tế và kinh doanh còn là sự phản ánh quỹ đạo vận động của nền kinh tế và doanh nghiệp. Hơn nữa, tính chất tự do của nền kinh tế thị trường càng cao, tính chất chu kỳ kinh tế càng được bộc lộ rõ nét. Ngoài ra, hội nhập quốc tế sâu rộng làm tăng tính phụ thuộc lẫn nhau, vì thế làm nảy sinh các quan hệ qua lại làm lan tỏa tính chu kỳ so với nền kinh tế đóng. Một nền kinh tế thị trường toàn cầu vận động mang tính chu kỳ toàn cầu với sự dẫn đầu của các trung tâm kinh tế.



Đồ thị 1: chu kỳ kinh tế lý thuyết và tăng trưởng GDP thực của thế giới giai đoạn 1960-2010 (nguồn: G. Mankiw, Kinh tế học và IMF)

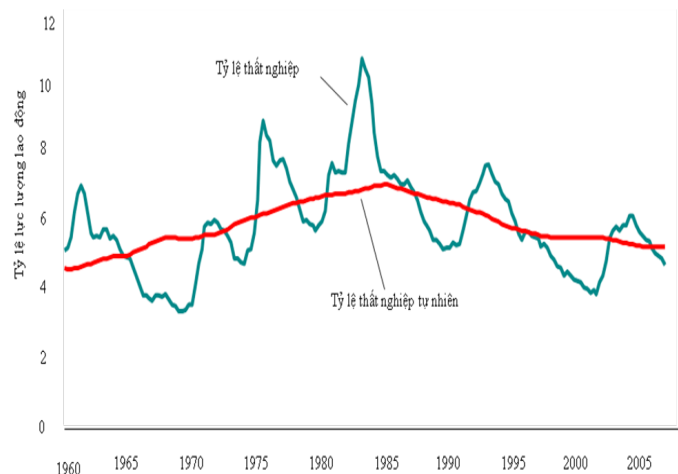
Mặc dù nền kinh tế thị trường phát triển của các nước công nghiệp có các mô hình, công cụ phân tích và cảnh báo trước khủng hoảng nhưng chúng vẫn diễn ra, như khủng hoảng dầu mỏ, khủng hoảng nợ nước ngoài, khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á (1997-1998), khủng hoảng năng lượng, lương thực, tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu 2008. Nguyên nhân của cuộc khủng hoảng mà suy cho cùng đó là sự biểu hiện của chu kỳ kinh tế có thể được giải thích do sự phát triển quá mức cơ chế tự do hoá kinh tế, sự giảm thiểu vai trò nhà nước hoặc là tình trạng cạnh tranh quá gay gắt đến mức không thể kiểm soát bằng kế hoạch (hay chiến lược) mà bằng sự kiểm định chặt chẽ, nghiêm ngặt và khách quan của khủng hoảng. Chu kỳ kinh tế xuất phát từ sự vận hành của vòng tuần hoàn kinh tế giữa các tác nhân kinh tế (hình 1). Các tương tác cung - cầu trên thị trường giữa các tác nhân thúc đẩy sự vận hành của vòng tuần hoàn này cũng như làm tăng sự dao động. Vòng tuần hoàn nếu vận hành thiếu ổn định có thể gây ra ách tắc cho tất cả các giao dịch và tiềm ẩn tình trạng khủng hoảng, suy thoái như là sự phản ứng tự nhiên nhằm khơi thông dòng chảy của giao dịch và hoạt động.



Hình 1: vòng tuần hoàn kinh tế và tương tác cung - cầu (nguồn: G. Mankiw)

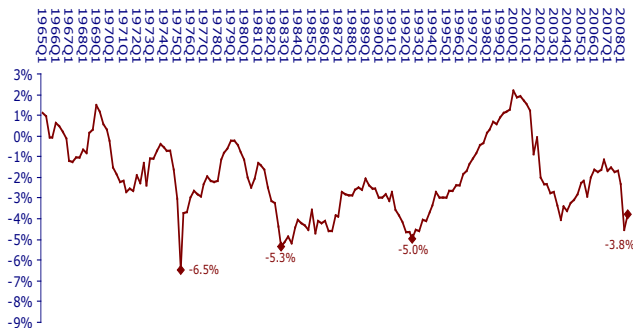
Theo vòng tuần hoàn, có hai chủ thể quan trọng là hãng (hay doanh nghiệp, tập đoàn) với 4 dòng di chuyển là: 1- Yếu tố, 2- Hàng bán, 3- Lương, lợi nhuận, 4- Thu nhập; và chủ thể thứ hai là hộ gia đình cũng có 4 dòng di chuyển là: 1- Lao động, đất đai, 2- Hàng mua, 3- Chi tiêu, 4- Thu nhập. Các dòng di chuyển này gặp gỡ nhau trên thị trường hàng hoá, dịch vụ và thị trường yếu tố. Các yếu tố cấu thành vòng tuần hoàn phản ánh tính thực thể (hay trạng thái “tĩnh”) của nền kinh tế. Còn tương tác cung - cầu làm bộc lộ tính chu kỳ của nền kinh tế thể hiện trạng thái “động” của nó.

Chẳng hạn, tính chu kỳ của thị trường lao động như là sản phẩm của tính chu kỳ kinh tế với hai trạng thái thất nghiệp và toàn dụng nhân lực cũng được bộc lộ, mặc dù có những độ trễ hay có sự bất cân xứng ở mức độ nhất định và thường không đạt độ chính xác cao như trong lĩnh vực tự nhiên (đồ thị 2). Hay nói cách khác, chu kỳ kinh tế được bộc lộ trên thực tế khá đa dạng thông qua chu kỳ thay đổi của các tham số kinh tế vĩ mô. Có trường hợp dạng vận động chu kỳ của nền kinh tế bị biến dạng thành chữ U, V, L hay W.



Đồ thị 2: dấu hiệu chu kỳ trên thị trường lao động thực tế của Mỹ giai đoạn 1960-2005 (nguồn: Cục Dự trữ Liên bang Mỹ)

Ngoài ra còn có chu kỳ chính sách thương mại với hai trạng thái bảo hộ và tự do hoá. Tính chu kỳ còn biểu hiện trong chính sách tài khoá - tiền tệ với hai trạng thái đối lập là nới lỏng và thắt chặt, nâng giá hoặc giảm giá tiền tệ, tăng hay giảm lãi suất các loại gắn với chu kỳ kinh tế... hoặc tỷ lệ thâm hụt ngân sách so với GDP (đồ thị 3).

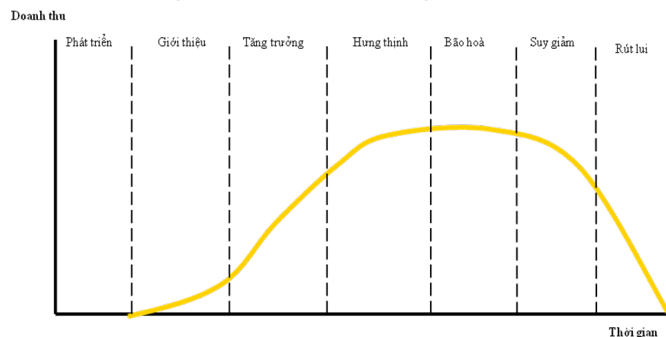


Đồ thị 3: tỷ lệ thâm hụt ngân sách Liên bang so với GDP của Mỹ giai đoạn 1965-2008 (nguồn: Cục dự trữ Liên bang Mỹ)

Để chống lại chu kỳ kinh tế, J.M. Keynes cho rằng, cần phát huy vai trò của Chính phủ trong việc sử dụng quyền lực và nguồn lực quốc gia đặc biệt để chống lại tình trạng khủng hoảng thông qua kích thích tổng cầu, sử dụng các công cụ lãi suất, tiền tệ để tạo việc làm, thúc đẩy tăng trưởng. Tình trạng khủng hoảng dư thừa là do thiếu hụt tổng cầu của nền kinh tế và tính chu kỳ kinh tế suy cho cùng là tính chu kỳ tổng cầu.

Tính chu kỳ trong kinh doanh

Một trong những lý thuyết chu kỳ đặc trưng trong kinh doanh là lý thuyết chu kỳ sống (vòng đời) của sản phẩm. Lý thuyết này được ra đời vào năm 1966 do Vernon đưa ra, được vận dụng chủ yếu trong trường phái marketing nhằm gia tăng ảnh hưởng của doanh nghiệp trên thị trường.

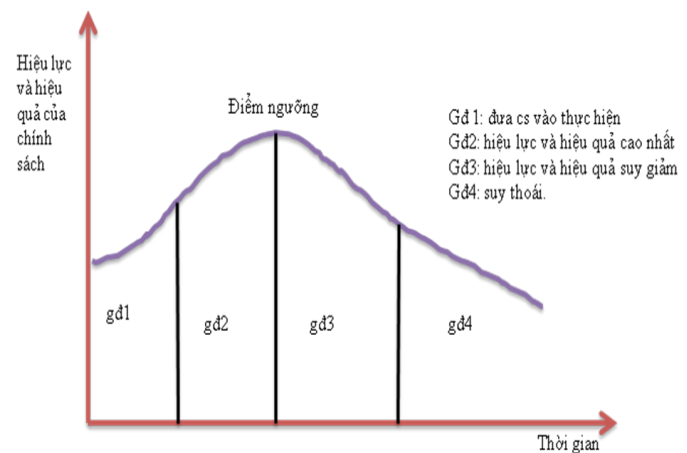


Đồ thị 4: chu kỳ sống của sản phẩm (nguồn: P. Kotler)

Lý thuyết chu kỳ sống của sản phẩm trên thị trường được phát triển dựa trên giả định vòng đời sản phẩm (và cả dịch vụ) tương tự như cuộc đời con người, nghĩa là nó có quá trình ra đời, phát sinh, phát triển, suy giảm và triệt tiêu theo doanh thu hoặc lợi nhuận. Theo đồ thị 4, một sản phẩm xuất hiện và rút lui khỏi thị trường thông qua 7 giai đoạn: nghiên cứu và phát triển, giới thiệu, tăng trưởng, hưng thịnh, bão hoà, suy giảm, triệt tiêu (hay sản phẩm rút lui ra khỏi thị trường). Lý thuyết này được áp dụng rộng rãi và được mở rộng tới lý thuyết vòng đời sản phẩm quốc tế giải thích nguyên nhân thương mại quốc tế. Hơn nữa, lý thuyết này còn tạo điều kiện để các chủ thể thâm nhập thị trường sau đuổi kịp, thậm chí vượt qua các chủ thể đi trước khi đưa ra được các sản phẩm có tính năng vượt trội. Một quan điểm lạc quan trong phát triển thị trường được hình thành dựa trên cách tiếp cận chu kỳ sống sản phẩm.

Thực tiễn kinh tế và kinh doanh Việt Nam từ góc độ chu kỳ

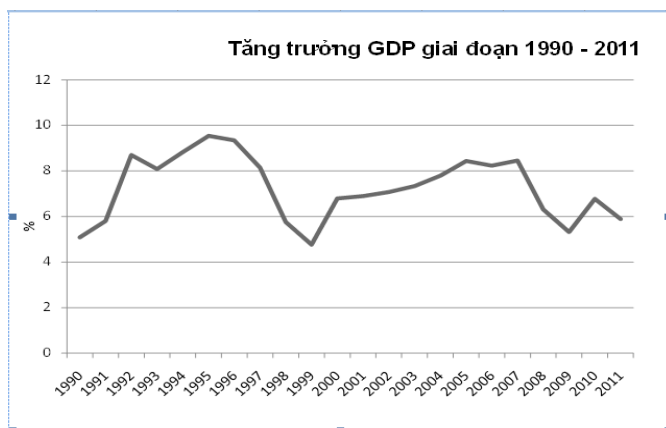
Nước ta chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung mệnh lệnh, tính chu kỳ của nền kinh tế hầu như không



Đồ thị 5: chu kỳ chính sách quản lý nhà nước (nguồn: Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế)

có, nền kinh tế nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của Chính phủ nên có thể nói lý thuyết này không phát huy tác dụng. Từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, vòng tuần hoàn kinh tế bắt đầu phát huy tác dụng và lý thuyết chu kỳ kinh tế có nền tảng để vận động. Trong giai đoạn 1990-2011, GDP của Việt Nam biến động gần như

mang tính chu kỳ khoảng 11 năm với hai trạng thái đỉnh là 9,5% (năm 1995) và 8,3% (năm 2007). Hai “đáy” của chu kỳ này là 4,3% (năm 1999) và 4,5% (năm 2009) (đồ thị 6). Điều này cho thấy nền kinh tế Việt Nam vận động theo chu kỳ gắn với chu kỳ của các cuộc khủng hoảng khu vực và thế giới năm 1997 và năm 2008 nhưng có độ trễ nhất định và quá trình hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và thị trường toàn cầu của kinh tế Việt Nam mới ở trong giai đoạn đầu.



Đồ thị 6: tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 1990-2011
(nguồn: Tổng cục Thống kê)

Thực tế cho thấy, chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp chịu tác động rất lớn của chu kỳ kinh tế, hay chu kỳ khủng hoảng. Đối với các doanh nghiệp, chu kỳ kinh doanh gắn với chu kỳ kinh tế và có thể giữa chu kỳ kinh tế và chu kỳ kinh doanh có mối quan hệ tương quan. Chẳng hạn, tính đến đầu năm 2013 cho thấy, cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu làm đóng cửa, thu hẹp sản xuất và phá sản trên 100 nghìn doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, theo lý thuyết về chu kỳ, sau khi chạm đáy, nền kinh tế sẽ phục hồi và chuẩn bị phát triển để đạt đỉnh trong giai đoạn tiếp theo, vì thế mỗi doanh nghiệp cần có kế hoạch đưa sản phẩm ra thị trường và kết thúc có chủ đích sự tồn tại của nó, chu kỳ sống vẫn có thể kéo dài khi đưa sản phẩm sang thị trường mới hoặc đưa sản phẩm mới vào thị trường hiện có.

Mỗi loại sản phẩm có dạng chu kỳ sống đặc thù. Ở nước ta, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường theo dõi kỹ lưỡng chu kỳ sản phẩm của mình và của đối thủ thông qua bộ phận

marketing cho nên thường phản ứng với tính chu kỳ rất hiệu quả. Chẳng hạn, Công ty liên doanh Honda Việt Nam là nhà sản xuất xe máy lớn nhất trên thị trường Việt Nam trong hàng chục năm nay. Là hãng có thị phần lớn nhất, Honda Việt Nam thường quan sát chu kỳ xe máy được sản xuất và cung ứng sản phẩm ra thị trường vào các thời điểm thích hợp. Vào năm 2002, hãng tung ra loại xe Wave α với mức giá khoảng 11 triệu đồng/chiếc gây “chấn động mạnh” thị trường xe máy và 7 năm sau (năm 2009) là các dòng xe khác, trong đó có dòng xe ga Lead với mức giá khoảng 37-39 triệu đồng/chiếc, tiếp tục làm “chấn động” thị trường xe máy trong nước, chưa kể việc liên tục cải tiến các loại xe nhằm “làm lạc hậu” có chủ đích các sản phẩm hiện có hay rút ngắn chu kỳ sống của sản phẩm, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Hoặc các liên doanh (SONY, LG, SAMSUNG) sản xuất đồ điện tử dân dụng như tivi, màn hình máy tính đã nhanh chóng thực hiện chuyển đổi từ sản xuất màn hình thông thường sang màn hình tinh thể lỏng và tinh thể khí. Các công nghệ mới nhất trong sản xuất màn hình được áp dụng, làm lạc hậu nhanh chóng các màn hình sản xuất theo công nghệ cũ và điều này làm rút ngắn chu kỳ sống cho sản phẩm.

Một số vấn đề rút ra

Lý thuyết chu kỳ kinh tế và kinh doanh đặt nền tảng phương pháp luận phân tích, đánh giá, dự báo các hiện tượng kinh tế và kinh doanh một cách hệ thống trong nền kinh tế thị trường. Nó có thể được vận dụng cả cấp độ hoạch định chính sách phát triển quốc gia và khu vực, quốc tế cũng như chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Để vận dụng có hiệu quả lý thuyết này, cần lưu ý một số vấn đề sau.

Thứ nhất, chu kỳ kinh tế (hay kinh doanh) thường có độ dài khá lớn, vào khoảng 8-12 năm, cho nên các quan sát theo thời gian phải bảo đảm khoảng thời gian đủ lớn (hàng chục năm, thậm chí hàng trăm năm). Các phân tích chu kỳ kinh tế mang đặc điểm của phân tích cơ bản, dài hạn cho nên đòi hỏi sự nhất quán cao nhất cách tiếp cận để tránh sai lệch. Đối với Việt Nam, các chu kỳ chính sách thường gắn với một nhiệm kỳ 3-5 năm cho nên cần có nhiều chu kỳ chính sách liên tục kết nối với nhau mới thấy được tính chất chu kỳ kinh tế hay

kinh doanh đầy đủ, từ đó mới vận dụng chính sách phù hợp cho từng ngành/vùng/địa phương/doanh nghiệp...

Thứ hai, chu kỳ sản phẩm thường ngắn hơn chu kỳ kinh tế do cạnh tranh gay gắt, đổi mới công nghệ nhanh chóng, cho nên việc phân tích chu kỳ cần căn kẽ, chi tiết và mang tính chuyên nghiệp cao. Cần có các mô hình thực nghiệm để vận dụng phân tích chu kỳ sản phẩm tối ưu, và do đó, các công cụ khảo sát thị trường để xây dựng giải pháp cần được vận dụng phù hợp. Đây cũng là điều kiện phát triển khoa học mô hình hoá và công cụ phân tích, dự báo kinh tế và kinh doanh.

Thứ ba, tính chu kỳ kinh tế và kinh doanh một mặt cho thấy tính liên tục của quá trình vận động các quá trình kinh tế và kinh doanh; mặt khác, cho thấy tính giai đoạn (hay sự phân kỳ của chúng). Góc độ thứ nhất làm bộc lộ tính khái quát cao nhất về trạng thái vận động của thực thể. Đây là căn cứ hình thành và phát triển quan điểm toàn diện và tổng thể của chính sách. Góc độ thứ hai cho thấy các yếu tố nổi trội cần được khai thác trong một giai đoạn (hay thời kỳ). Nó tạo căn cứ để xây dựng các mục tiêu ưu tiên trong từng giai đoạn (hay lộ trình vận hành) với bước đi cụ thể. Chính vì thế, cần kết hợp cả hai cách tiếp cận này.

Thứ tư, cần chú ý đến tính chu kỳ phái sinh (hay các bộc lộ khác) về tính chu kỳ mang tính bề mặt để từng bước đi sâu phân tích, tìm kiếm chu kỳ thực chất, thực hiện dự báo chính sách và kinh doanh phù hợp, bảo đảm độ tin cậy cao. Tính chu kỳ là phạm trù tổng hợp có nội dung khá rộng, hàm chứa nhiều chu kỳ mang tính bộ phận và đặc thù như chu kỳ việc làm, công nghệ, vốn, tiền tệ, lãi suất... Các phân tích chu kỳ cục bộ góp phần làm rõ chu kỳ vận động tổng thể. Chẳng hạn, những thay đổi mang tính đột phá trong chu kỳ công nghệ với sự xuất hiện liên tục công nghệ cao sẽ dẫn đến một nền kinh tế có năng suất, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao.

Thứ năm, cần chủ động, tích cực khai thác kinh nghiệm tận dụng tác động của mô hình về chu kỳ kinh doanh của các nước để làm bài học tham chiếu đối với Việt Nam nhằm đưa ra chính sách hoặc chiến lược phù hợp. Điều này cần được thực hiện cùng với việc tổng kết, hệ thống hoá các vấn đề lý thuyết

chu kỳ kinh tế và kinh doanh một cách đầy đủ để nghiên cứu, học tập và vận dụng vào hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, đưa ra những dự báo phù hợp và hoạch định chính sách phát triển ngành cũng như chiến lược của doanh nghiệp theo hướng có lợi nhất. Hơn nữa, quá trình điều hành cũng cần coi trọng tính chu kỳ để tránh đưa ra các chính sách, công cụ, biện pháp duy ý chí làm lãng phí nguồn lực. Coi trọng nghiên cứu, phát triển các công cụ phân tích, phát hiện và khai thác tính chu kỳ.

Thứ sáu, cần thận trọng đối với việc vận dụng lý thuyết chu kỳ kinh tế và kinh doanh. Lý thuyết này mang tính xã hội lớn, thông qua nhận thức và hành động của con người, cho nên cần chú ý đến khả năng bị lệch lạc, độ trễ hoặc những biến dạng khác. Hơn nữa, tính chu kỳ kinh tế và kinh doanh là một quá trình khách quan được nhận thức, cho nên không thể tránh khỏi sự thiên lệch, méo mó nhất định, chưa nói là có thể có ngoại lệ (hay trường hợp đặc biệt). Nếu quá đề cao ngoại lệ (hay trường hợp đặc biệt) có thể dẫn đến phủ định hoàn toàn tính chu kỳ kinh tế và kinh doanh, vô hiệu hóa các tác động có lợi của nó. Việc vận dụng hoặc phát triển lý thuyết chu kỳ kinh tế và kinh doanh rất cần sự cân nhắc kỹ lưỡng, thử nghiệm và kiểm định thận trọng. Đồng thời, cũng cần giảm thiểu việc vận dụng cứng nhắc, khiên cưỡng hay mang tính cục bộ, rời rạc làm phản tác dụng mong đợi của lý thuyết ■

Tài liệu tham khảo

- 1- Đại học Kinh tế Quốc dân (1985), *Triết học Mác - Lênin. Phần duy vật biện chứng và duy vật lịch sử*. Nhà in Đại học Kinh tế Quốc dân.
- 2- Đại học Kinh tế Quốc dân (2005), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
- 3- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- 4- Keynes J.M., *Lý thuyết chung về lãi suất, tiền tệ và việc làm*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 1998.
- 5- Kotler P. (1998), *Marketing căn bản*. Nhà xuất bản Thống kê.
- 6- Mankiw G. (1997), *Kinh tế học*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.